

ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

ĐÀM THỊ DIỄM HẠNH*

LÊ THỊ KIM OANH**

Ngày nhận bài: 23/07/2019

Ngày phản biện: 27/08/2019

Ngày đăng bài: 01/10/2019

Tóm tắt:

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là đối tượng chịu sự tác động của nhiều thay đổi về kinh tế, chính trị, pháp luật và thiên nhiên mà có thể dẫn đến việc thực hiện hợp đồng, dù có thể, trở thành gánh nặng quá mức. Bộ luật Dân sự 2015 đã ghi nhận những hoàn cảnh như vậy là căn cứ để thay đổi hoặc chấm dứt hợp đồng tại Điều 420. Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980, có hiệu lực với Việt Nam từ năm 2017, cũng có quy định tương tự tại Điều 79. Liên quan đến hoàn cảnh thay đổi, Bộ quy tắc hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT năm 2016 có quy định cụ thể và rõ ràng. Mục đích của bài viết này là nghiên cứu các quy định trên từ góc độ so sánh để đưa ra gợi ý cho các bên khi soạn thảo điều khoản hoàn cảnh thay đổi trong hợp đồng của họ.

Từ khóa:

Hợp đồng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Abstract:

International sales contracts are subject to a number of changes in economy, politics, law and nature that make the performance of a contract, although possible, become generously burdensome. The Civil Code 2015 acknowledges such situation in Article 420 as a ground for adaptation or termination of a contract. The United Nations Convention on Contracts for International Sale of Goods (CISG), which was effective to Vietnam since 2017, have a similar provision in Article 79. Regarding changed circumstances, UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts 2016 provides very clear and precise provisions. The aim of this Article is to analyze the mentioned provisions in a comparative perspective in order to make recommendations for parties to cross-border sales of good transactions to include a changed circumstances clause in their contract.

Keywords:

Contract, changed circumstances, hardship, international sale contract.

* ThS., Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội; Email: damdiemhanh1976@gmail.com

** ThS., Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

Hợp đồng thương mại quốc tế là loại hợp đồng có tính biến động lớn vì chịu sự tác động của nhiều yếu tố kinh tế, chính trị, luật pháp không chỉ một mà nhiều quốc gia, khu vực. Một trong những rủi ro chính mà các bên trong hợp đồng này thường gặp phải là sự thay đổi hoàn cảnh không lường trước được¹ dẫn đến việc thực hiện hợp đồng dù có thể nhưng trở nên quá khó khăn, bất lợi cho bên có nghĩa vụ (còn được gọi là *hardship* hoặc *changed circumstances*). Do đó, việc xây dựng các điều khoản dự liệu về cách xử lý hợp đồng trong trường hợp hoàn cảnh ký kết hợp đồng có biến động là rất quan trọng. Ở Việt Nam, điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong nền kinh tế hội nhập, các thương nhân Việt Nam đang và sẽ tham gia ngày càng nhiều vào các hợp đồng thương mại quốc tế. Việt Nam đã gia nhập Công ước về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) vào ngày 18/12/2015 và có hiệu lực vào ngày 01/01/2017. Theo đó, ngoài các văn bản pháp luật nội địa, khi tham gia vào hợp đồng quốc tế, thương nhân Việt sẽ chịu sự điều chỉnh của CISG. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tranh cãi liệu CISG có điều chỉnh vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay không. Trong khi đó, bộ quy tắc về hợp đồng thương mại quốc tế năm 2016 (gọi tắt là Bộ quy tắc UNIDROIT)- mặc dù không có giá trị ràng buộc nhưng được chấp nhận rộng rãi trong thực tiễn thương mại quốc tế - quy định khá chi tiết về vấn đề này tại Điều 6.2.2 và 6.2.3. Bài viết trước hết phân tích mối liên hệ giữa các quy định liên quan đến vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại hai văn bản quốc tế nói trên để làm rõ vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản có thuộc phạm vi điều chỉnh của CISG hay không.

1. Vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong CISG và UNIDROIT

Quy định tại CISG

Dù không có quy định riêng về vấn đề thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản nhưng CISG lại có điều luật có hiệu lực tương tự (Điều 79).² Điều luật này quy định bên có nghĩa vụ được miễn trừ thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khi thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) *Việc không thực hiện đúng hợp đồng là do trở ngại (impediment) ngoài sự kiểm soát của đương sự.*

(b) *Trở ngại đó không thể lường trước được vào thời điểm ký kết hợp đồng và*

(c) *Trở ngại đó không thể vượt qua được*³.

Điều kiện (a) đề cập đến yếu tố khách quan của hoàn cảnh khó khăn đó là sự kiện xảy ra phải vượt khỏi tầm kiểm soát của bên liên quan mà không đề cập đến vấn đề lỗi⁴. Điều kiện

¹ Rimke Joern, “Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts”, 1999, 197, <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/rimke.html>; Ingeborg Schwenzer, “Force Majeure and Hardship in International Sales Contracts”, *Victoria University of Wellington Law Review* 39 (2009), 709.

² Schwenzer, “Force Majeure and Hardship in International Sales Contracts”, 709.

³ Article 79 CISG.

⁴ “Denis Tallon - Article 79”, 579, accessed August 22, 2018, <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/tallon-bb79.html>.

(b) yêu cầu hoàn cảnh xảy ra phải không lường trước được vì nếu sự kiện xảy ra là lường trước được thì bên không thực hiện hợp đồng được coi là đã dự liệu trước rủi ro là sự kiện đó có thể xảy ra khi ký hợp đồng.⁵ Khi ký kết hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng với thời hạn dài và liên quan đến các chủ thể ở các quốc gia, khu vực khác nhau, các bên cần cân nhắc và dự liệu vào hợp đồng một cách kỹ lưỡng các hoàn cảnh khó khăn có thể xảy đến. Chỉ khi nào các sự kiện xảy ra là không thể lường trước được vào thời điểm ký hợp đồng thì mới có thể được xem xét miễn trừ nghĩa vụ. Điều kiện (c) đòi hỏi bên bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh khó khăn phải đối phó lại với trở ngại với hai khía cạnh sau: thứ nhất, thực hiện các biện pháp có thể để ngăn cản trở ngại xảy ra khi nhìn thấy nguy cơ; thứ hai, nếu trở ngại đã xảy ra rồi thì phải tìm cách vượt qua giảm thiểu hậu quả nhanh nhất có thể. Khi xảy ra hoàn cảnh khó khăn như trên, bên có nghĩa vụ nếu không thực hiện được hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết về hoàn cảnh khó khăn và ảnh hưởng của hoàn cảnh đó đến khả năng thực hiện hợp đồng. Nếu không gửi thông báo trong thời hạn hợp lý kể từ khi biết hoặc phải biết về hoàn cảnh khó khăn thì bên có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại phát sinh từ việc thông báo muộn đó⁶.

Như vậy, có thể thấy Điều 79 không đề cập một cách rõ ràng đến thuật ngữ hoàn cảnh thay đổi cơ bản và điều này dẫn đến tranh cãi liệu CISG có điều chỉnh vấn đề hoàn cảnh thay đổi hay không về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng. Quan điểm thứ nhất cho rằng CISG không đề cập đến hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Một vài năm sau khi CISG có hiệu lực, một số học giả cho rằng không có chỗ cho *hardship* trong CISG⁷. Trong quá trình soạn thảo Điều 79 đã có một số đề xuất về việc miễn trừ thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức việc bắt buộc bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện là không hợp lý, tuy nhiên đề xuất này đã bị bác bỏ⁸. Lịch sử hình thành của điều khoản này chứng tỏ rằng, CISG không có ý định điều chỉnh *hardship*⁹. Hơn nữa, chế tài đối với *hardship* là đàm phán lại và sửa đổi hợp đồng, trong khi đó việc sửa đổi hợp đồng bởi thẩm phán không được cho phép rõ ràng ở CISG do đó có thể coi là không thể có *hardship* trong công ước này¹⁰.

Khác với quan điểm trên, nhiều quyết định của tòa án và trọng tài¹¹ cũng như bài viết của các học giả cho rằng Điều 79 CISG hàm chứa *hardship*. Trong vụ *Steel ropes case*¹² và vụ

⁵ Joern, “Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts”, 215.

⁶ Paragraph 4 Article 79 CISG.

⁷ Peter Schlechtriem and Ingeborg Schwenzer, eds., *Commentary on the UN Convention on the International Sale of Goods*, 2 edition (Oxford ; New York: Oxford University Press, 2005), para. 39.

⁸ Schwenzer, “Force Majeure and Hardship in International Sales Contracts”, 712.

⁹ Joern, “Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts”, 219.

¹⁰ “Denis Tallon - Article 79”, 592.

¹¹ Bulgaria 12 February 1998 Arbitration Case 11/1996 (Steel ropes case) [translation available], accessed August 30, 2018.

¹² Bulgaria 12 February 1998 Arbitration Case 11/1996 (Steel ropes case) [translation available].

*Société Romay AG v. SARL Behr France*¹³, cả hội đồng trọng tài và tòa án đều xác định rằng, Điều 79 CISG điều chỉnh *hardship* và cho phép thay đổi hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Việc xác định CISG có điều chỉnh hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay không có ý nghĩa quan trọng trong việc chọn luật áp dụng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vì theo Điều 7(2) của CISG thì khi vấn đề nào đó không được giải quyết bởi CISG, pháp luật quốc gia sẽ được áp dụng¹⁴. Điều này có nghĩa là khi các bên ký kết hợp đồng là đối tượng điều chỉnh của CISG, nếu cho rằng CISG điều chỉnh vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản nhưng chưa rõ ràng thì có thể tiếp tục viện dẫn quy định tại Điều 420 Bộ luật Dân sự để áp dụng như một cách lấp khoảng trống của CISG¹⁵. Tuy nhiên, nếu tiếp cận theo hướng CISG không điều chỉnh vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì không thể viện dẫn luật quốc gia để lý giải cho trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, vì Điều 7(2) CISG quy định chỉ khi có khoảng trống trong CISG thì mới được viện dẫn luật nội địa để áp dụng¹⁶.

Quy định tại bộ quy tắc UNIDROIT năm 2016

Bộ quy tắc UNIDROIT năm 2016 là tập hợp những quy định chung áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế. Khác với CISG, Bộ quy tắc này ghi nhận rõ ràng điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại các Điều từ 6.2.2 đến 6.2.3. Theo đó, hoàn cảnh thay đổi cơ bản được gọi là *hardship* (tạm dịch là trở ngại). *Hardship* được định nghĩa là khi có sự kiện xảy ra làm thay đổi căn bản tính cân bằng của hợp đồng bất kể bởi sự gia tăng chi phí thực hiện hợp đồng hay bởi sự giảm xuống của giá trị mà bên kia nhận được. Sự kiện xảy ra phải thỏa mãn bốn yêu cầu sau:

- (a) Sự kiện xảy ra hoặc được bên bị thiệt hại biết đến sau khi giao kết hợp đồng;
- (b) Bên bị thiệt hại không thể cân nhắc đến sự kiện đó một cách hợp lý khi ký kết hợp đồng;
- (c) Sự kiện xảy ra ngoài sự kiểm soát của bên bị thiệt hại; và
- (d) Bên bị thiệt hại đã không thể dự liệu được nguy cơ xảy ra sự kiện đó.

Khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bộ quy tắc quy định bên bị thiệt hại có quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng và nếu các bên không đàm phán lại thành công thì một trong hai bên có thể yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết theo hướng điều chỉnh hợp đồng để lập

¹³ France 12 June 2001 Appellate Court Colmar (*Société Romay AG v. SARL Behr France*) [translation available], No. 1 A 199800359 (CA Colmar [CA = Cour d'appel = Appellate Court] June 12, 2001).

¹⁴ Joern, "Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts", 218; Xem Điều 7(2) CISG: "Questions concerning matters governed by this Convention which are not expressly settled in it are to be settled in conformity with the general principles on which it is based or, in the absence of such principles, in conformity with the law applicable by virtue of the rules of private international law". "UNITED NATIONS CONVENTION ON CONTRACTS FOR THE INTERNATIONAL SALE OF GOODS [CISG]" (1980), <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/text/treaty.html>

¹⁵ Schwenger, "Force Majeure and Hardship in International Sales Contracts", 713.

¹⁶ Joern, "Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts", 219.

lại thế cân bằng của nó hoặc chấm dứt hợp đồng vào thời điểm và theo điều khoản do tòa án xác định¹⁷.

Bộ quy tắc của UNIDROIT dù không có hiệu lực bắt buộc nhưng được cho là chi tiết, đầy đủ và phù hợp với thực tiễn thương mại quốc tế¹⁸. Bộ quy tắc này có thể áp dụng để bổ trợ (*substitute*) cho luật quốc gia khi pháp luật điều chỉnh hợp đồng không điều chỉnh vấn đề này, kể cả khi hợp đồng không đề cập đến bộ quy tắc¹⁹.

Như vậy, bộ quy tắc mặc dù quy định chi tiết về *hardship* nhưng lại không có tính chất ràng buộc. Từ góc độ các bên trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, bộ quy tắc này có thể được tham khảo hoặc coi như điều khoản mẫu khi xây dựng điều khoản *hardship* trong hợp đồng.

Mối quan hệ giữa CISG và UNIDROIT

Trong mối quan hệ với CISG, có thể áp dụng bộ quy tắc như là công cụ giải thích và bổ trợ cho CISG. Có quan điểm cho rằng bộ quy tắc có thể được áp dụng như là công cụ để giải thích cho CISG vì Điều 7 (2) của CISG nói rằng nếu có vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của CISG mà CISG chưa quy định rõ thì áp dụng nguyên tắc chung để giải thích. Nếu tiếp cận theo quan điểm Điều 79 CISG có hàm ý điều chỉnh hoàn cảnh thay đổi cơ bản nhưng chưa quy định rõ thì có thể coi các quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Điều 6.2.2 của bộ quy tắc như nguyên tắc chung để giải thích cho Điều 79 CISG.²⁰ Ngược lại, nếu theo quan điểm CISG không điều chỉnh hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì thẩm phán và trọng tài không thể viện dẫn điều khoản *hardship* trong bộ quy tắc để bổ trợ cho Điều 79 CISG.²¹

2. Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015

Bộ luật Dân sự năm 2015 lần đầu tiên ghi nhận một cách minh thị điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản (trung tự như thuật ngữ *hardship* hoặc *changes of circumstance*). Theo khoản 1 Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015, sự thay đổi hoàn cảnh phải là thay đổi cơ bản phải đồng thời đáp ứng 5 điều kiện sau:

a) *Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;*

¹⁷ Article 6.2.3 “UNIDROIT Principles on International Commercial Contracts” (2016), <https://www.unidroit.org/instruments/commercial-contracts/unidroit-principles-2016>; Đàm Thị Diễm Hạnh and Lê Thị Kim Oanh, “Một số bình luận về Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015: Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản”, *Tạp Chí Nhà nước và Pháp luật* (Tháng 7/2018): 19-23.

¹⁸ “Maskow, Dietrich, Hardship and Force Majeure, 40 Am.J.Comp.L. 1992, at 657 et Seq. | Trans-Lex.Org”, 659, accessed August 27, 2018, https://www.trans-lex.org/126400/_maskow-dietrich-hardship-and-force-majeure-40-amjcompl-1992-at-657-et-seq/.

¹⁹ Joern, “Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts”, 236.

²⁰ Alejandro M. Garro, “Gap-Filling Role of the Unidroit Principles in International Sales Law: Some Comments on the Interplay Between the Principles and the CISG”, *Tulane Law Review* 69 (1995 1994): 1155-56.

²¹ Joern, “Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts”, 239.

b) *Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;*

c) *Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;*

d) *Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;*

đ) *Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.*

Tương tự như Bộ quy tắc UNIDROIT, khoản 2, khoản 3 Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng và nếu các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý thì một trong hai bên có thể yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết theo hướng chấm dứt hợp đồng vào thời điểm xác định và sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Với những quy định như trên, các bên trong hợp đồng có thể dự kiến các sự kiện hoàn cảnh thay đổi cơ bản phù hợp với đặc điểm hợp đồng của mình và hệ quả khi áp dụng pháp luật về hoàn cảnh thay đổi cơ bản căn cứ theo Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi xây dựng hợp đồng, các bên nên liệt kê một số các sự kiện có thể xảy ra (nhưng không phải là tất cả) như là điều kiện của hoàn cảnh thay đổi cơ bản và hệ quả của nó như thế nào, cụ thể là trách nhiệm của các bên ra sao nếu hoàn cảnh thay đổi xảy ra. Điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản luôn bao gồm hai phần chính, phần thứ nhất đưa ra giả thuyết khi nào thì được coi là hoàn cảnh thay đổi cơ bản và phần thứ hai là hệ quả của giả thuyết đó²². Ở phần giả thuyết các bên nên xác định điều kiện tồn tại của hoàn cảnh thay đổi cơ bản bằng cách mô tả các điều kiện với việc liệt kê một số trường hợp cụ thể để tham chiếu. Đây cũng là cách mà Phòng Thương mại quốc tế (ICC) khuyến cáo các bên sử dụng khi xây dựng điều khoản về hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hợp đồng²³. Trong khi việc mô tả giúp các bên nhận diện được hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong khi hoàn cảnh này xảy ra trong tương lai, việc liệt kê một số dẫn chứng giúp các bên hợp đồng dễ hình dung hơn khi áp dụng. Dưới đây là một số sự kiện mà ICC liệt kê trong điều khoản mẫu về hoàn cảnh thay đổi cơ bản:

(a) *Chiến tranh (bất kể được tuyên bố hay không), xung đột quân sự hoặc sự đe dọa xảy ra tương tự (bao gồm nhưng không giới hạn tấn công chống đối, bao vây, cấm vận quân sự), chiến sự, xâm lược, hành động thù địch, tổng động viên quân sự;*

²² Joern, 227.

²³ “ICC Force Majeure Clause 2003/ICC Hardship Clause 2003”, ICC - International Chamber of Commerce (blog), accessed August 29, 2018, <https://iccwbo.org/publication/icc-force-majeure-clause-2003icc-hardship-clause-2003/>.

(b) Chiến tranh dân sự, nổi loạn, sức mạnh quân sự hoặc chiếm đoạt, cuộc nổi loạn, hỗn loạn hoặc rối loạn dân sự, bạo lực, hành động bất tuân dân sự;

(c) Hành động khủng bố, phá hoại hoặc cướp giết;

(d) Hành động của cơ quan có thẩm quyền bất kể hợp pháp hay không, luật hay mệnh lệnh, quy tắc, quy định, chỉ đạo Chính phủ, lệnh giới nghiêm, sung công, trưng thu, trưng dụng, quốc hữu hóa;

(e) Hành động của Chúa, bệnh dịch, thiên tai như bão, lốc xoáy, bão, lốc xoáy, bão tuyết, động đất, hoạt động núi lửa, lở đất, sóng thủy triều, sóng thần, lũ lụt, thiệt hại hoặc phá hủy bởi sét, hạn hán;

(f) Nổ, cháy, sự phá hủy của máy móc, thiết bị, nhà máy hoặc bất kỳ loại hệ thống lắp đặt nào, sự kéo dài thời gian vận chuyển, viễn thông hoặc dòng điện;

(g) Rối loạn lao động nói chung như tẩy chay, đình công, đóng cửa xí nghiệp, lãn công, chiếm đóng nhà máy và cơ sở²⁴.

Những sự kiện liệt kê trên đây không chỉ là những biến động về mặt kinh tế mà còn bao gồm các yếu tố liên quan đến chính trị, pháp luật... Khi soạn thảo điều khoản *hardship*, các bên cần căn cứ đối tượng của hợp đồng để xác định các yếu tố cụ thể mà nếu xảy ra sẽ dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện nghĩa vụ.

3. Xây dựng điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Có thể thấy, vấn đề hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà một bên Việt Nam sẽ chịu sự điều chỉnh của CISG và Bộ luật Dân sự năm 2015 nếu luật Việt Nam được chọn là luật áp dụng. Tuy nhiên, khi soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thuộc đối tượng điều chỉnh của CISG thì các bên hoàn toàn có thể vận dụng bộ quy tắc để bổ sung cho Điều 79 của CISG²⁵.

Cho đến nay chưa có cách hiểu thống nhất về Điều 79 CISG nên để đảm bảo hiệu lực của điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản, các bên của hợp đồng thương mại quốc tế có thể vận dụng các quy định của Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015, CISG và Bộ quy tắc UNIDROIT để xây dựng điều khoản cụ thể trong hợp đồng. Cùng với trường hợp bất khả kháng, điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản là một trong những điều khoản thường được dự liệu trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Điều khoản này thường được áp dụng như một căn cứ để sửa đổi hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi dẫn đến việc thực hiện trở nên khó khăn mặc dù các bên vẫn muốn tiếp tục mối quan hệ hợp đồng, đặc biệt trong một số trường hợp như nghĩa vụ hợp đồng là việc xây dựng nhà máy hoặc cung cấp dầu mỏ, khí đốt²⁶.

²⁴ “ICC Force Majeure Clause 2003/ICC Hardship Clause 2003”.

²⁵ Joern, 239.

²⁶ Joern, 227.

Để đảm bảo tính thực thi của điều khoản *hardship*, các bên hợp đồng cần thỏa thuận rõ hệ quả của hoàn cảnh thay đổi đối với việc thực hiện các nghĩa vụ tiếp theo. Điều khoản *hardship* được coi là công cụ để các bên ràng buộc nghĩa vụ đàm phán lại,²⁷ do đó, các bên cần làm rõ vấn đề này trong phần hệ quả. Cụ thể là khi hoàn cảnh thay đổi xảy ra, các bên có nghĩa vụ tham gia vào đàm phán lại, cách thức đàm phán lại, hệ quả của việc không chấp nhận tham gia đàm phán lại²⁸.

4. Kết luận

Chính vì quy định của CISG không rõ ràng về điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản, do đó khi tham gia vào quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các bên nên thỏa thuận điều khoản *hardship*. Mặc dù bộ quy tắc UNIDROIT không đương nhiên được áp dụng như là công cụ giải thích thêm cho CISG, các bên hợp đồng hoàn toàn có thể viện dẫn quy định tại bộ quy tắc như một điều khoản mẫu hoặc dựa vào cách quy định của bộ quy tắc để xây dựng riêng phù hợp nhất với hợp đồng của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rimke Joern, *Force Majeure and Hardship: Application in International Trade Practice with Specific Regard to the CISG and the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts*, 1999, <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/rimke.html>
2. Ingeborg Schwenzer, *Force Majeure and Hardship in International Sales Contracts*, Victoria University of Wellington Law Review 39 (2009).
3. Denis Tallon, “*Article 79*”, accessed August 22, 2018, <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/tallon-bb79.html>
4. Peter Schlechtriem and Ingeborg Schwenzer, *Commentary on the UN Convention on the International Sale of Goods*, 2 edition (Oxford; New York: Oxford University Press, 2005).
5. Bulgaria 12 February 1998 Arbitration Case 11/1996 (Steel ropes case), accessed August 30, 2018.
6. France 12 June 2001 Appellate Court Colmar (Société Romay AG v. SARL Behr France), No. 1 A 199800359 (CA Colmar [CA = Cour d’appel = Appellate Court] June 12, 2001).
7. Harold Ullman, *Enforcement of Hardship Clauses in the French and American Legal Systems*, CWSL Scholarly Commons 19 (1988).
8. United Nations Convention On Contracts For The International Sale Of Goods [CISG] (1980), <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/text/treaty.html>

²⁷ Harold Ullman, “Enforcement of Hardship Clauses in the French and American Legal Systems”, *CWSL Scholarly Commons* 19 (1988): 82.

²⁸ Ullman, 82.

9. Maskow, Dietrich, *Hardship and Force Majeure*, 40 Am.J.Comp.L. 1992, at 657 et Seq. Trans-Lex.Org,” 659, accessed August 27, 2018, https://www.trans-lex.org/126400/_/maskow-dietrich-hardship-and-force-majeure-40-amjcompl-1992-at-657-et-seq/.

10. UNIDROIT Principles on International Commercial Contracts” (2016), <https://www.unidroit.org/instruments/commercial-contracts/unidroit-principles-2016>

11. Đàm Thị Diễm Hạnh, Lê Thị Kim Oanh (2018), “Một số bình luận về Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015: Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số tháng 7.